

Số: 605/QB-UBND

Hà Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của Ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của Ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện cập nhật, đăng tải đầy đủ thông tin, nội dung các thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh. Sở Y tế thiết lập Quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử ngay sau khi Trung tâm Phục vụ hành chính công đã hoàn thành việc cập nhật, đăng tải.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, HCC *my*



CHỦ TỊCH

[Signature]
Nguyễn Văn Sơn

PHẦN 1. DANH MỤC

Thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bãi bỏ của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang
(Ban hành kèm theo Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A.THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH								
I. Lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh								
1	BYT-HGI-262871	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện	Không	- Luật số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc Hội Luật Chữ thập đỏ; - Nghị định 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ; - Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế.
2	BYT-HGI-262867	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện	Không	- Luật số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc Hội Luật Chữ thập đỏ; - Nghị định 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ; - Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
3	BYT-HGI-262874	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện	Không	Bộ Y tế. - Luật số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc Hội Luật Chữ thập đỏ; - Nghị định 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ; - Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế.
4	BYT-HGI-262878	Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Không	- Luật số 11/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc Hội Luật Chữ thập đỏ; - Nghị định 03/2011/NĐ-CP ngày 07/01/2011 của Chính phủ; - Thông tư 17/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 của Bộ Y tế; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 3106/QĐ-BYT ngày 19/8/2014 của Bộ Y tế.
5	BYT-HGI-265329	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5	Không	- Thông tư 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 của Bộ Y tế; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		quyền của Sở Y tế				Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang		của Bộ Y tế.
6	BYT-HGI-265331	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Không	- Thông tư 35/2013/TT-BYT ngày 30/10/2013 của Bộ Y tế; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 4692/QĐ-BYT ngày 04/11/2015 của Bộ Y tế.
7	BYT-HGI-047062	Cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, được tư thực trên địa bàn quản lý.	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trực tiếp	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Không	- Luật 75/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc Hội quy định Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 03/2008/QĐ-BYT ngày 01/02/2008 của Bộ Trưởng Bộ Y tế.
II. Lĩnh vực: Dược phẩm								
1	BYT-HGI-286724	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ dược	20 ngày kể từ ngày nhận được	20 ngày kể từ ngày nhận được	Trực tiếp hoặc qua DV bưu	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà	200.000 đ/cơ sở (đối với	- Nghị định 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ Qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
		liệu	hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	chính công ích	Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	tỉnh miền núi, vùng sâu, xa)	Được - Nghị định 89/2012/NĐ-CP ngày 24/10/2012 của Chính Phủ; - Thông tư 03/2016/TT-BYT của Bộ Y tế; - Thông tư số 277/2016/TT-BTC của Bộ tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế.
2	BYT-HGI-286725	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ được liệu	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua DV bưu chính công ích	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Không	- Luật Dược số 105/2016/QH13 - Nghị định 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ; - Nghị định 89/2012/NĐ-CP ngày 24/10/2012 của Chính Phủ; - Thông tư 03/2016/TT-BYT của Bộ Y tế; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế.
3	BYT-HGI-286726	Bổ sung phạm vi kinh doanh trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ được liệu	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trực tiếp hoặc qua DV bưu chính công ích	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5	Không	- Luật Dược số 105/2016/QH13 - Nghị định 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ; - Nghị định 89/2012/NĐ-CP ngày 24/10/2012 của Chính Phủ; - Thông tư 03/2016/TT-BYT của Bộ

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
						Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang		Y tế; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế.
4	BYT-HGI-286729	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc đối với cơ sở bán lẻ được liệu	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trực tiếp hoặc qua DV bưu chính công ích	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Không	- Luật Dược số 105/2016/QH13 - Nghị định 79/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ; - Nghị định 89/2012/NĐ-CP ngày 24/10/2012 của Chính phủ; - Thông tư 03/2016/TT-BYT của Bộ Y tế; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 1371/QĐ-BYT ngày 14/4/2016 của Bộ Y tế.
III. Lĩnh vực: Trang thiết bị y tế								
1	BYT-HGI-287033	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua DV bưu chính công ích	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Không	- Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

TT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc công bố
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
						Hà Giang		
2	BYT-HGI-287032	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D	Sau 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua DV bưu chính công ích	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	Không	- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 169/2018/NĐ-CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ-BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Mã số TTHC hoặc số thứ tự TTHC tại QĐ công bố	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết theo qui định của pháp luật	Thời hạn giải quyết thực tế tại tỉnh	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH								
Lĩnh vực: Trang thiết bị Y tế								
1	Số thứ tự TTHC số 14 tại QĐ công bố số	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ	Trực tiếp hoặc qua DV bưu	Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Phí thẩm định Điều kiện kinh	- Luật đầu tư - Nghị định số 36/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính

	1500/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 BYT-HGI- 286774		hồ sơ hợp lệ	hồ sơ hợp lệ	chính công ích	tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	doanh thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế: 3.000.000 đồng/1 hồ sơ - Lệ phí: không có	phủ; - Nghị định số 169/2018/NĐ- CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 278/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ- BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
2	Số thứ tự TTHC số 15 tại QĐ công bố số 1500/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 BYT-HGI- 286775	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua DV bưu chính công ích	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	-Phí thẩm định công bố trang thiết bị y tế loại A: 1.000.000 đồng/1 hồ sơ -Lệ phí: không có	- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 36/2016/NĐ- CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 169/2018/NĐ- CP ngày 31/12/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 278/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ- BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
3	Số thứ tự TTHC số 16 tại QĐ công bố số 1500/QĐ-UBND ngày 16/7/2018 BYT-HGI-	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp hoặc qua DV bưu chính công ích	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519 đường Nguyễn Trãi, tổ 5 Phường	- Phí thẩm định Điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế: 3.000.000	- Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Nghị định số 36/2016/NĐ- CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ; - Nghị định số 169/2018/NĐ- CP ngày 31/12/2018 của

	286776					Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	đồng/1 hồ sơ -Lệ phí: không có	Chính phủ; - Thông tư số 278/2016/TT- BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 745/QĐ- BYT ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
--	--------	--	--	--	--	---	--------------------------------------	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1	BYT-HGI- 286790	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp xã	Không	- Luật Bình đẳng giới năm 2006; - Nghị định số 39/2015/NĐ- CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ; - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 792/QĐ- BYT ngày 04/3/2019 của Bộ Y tế.
---	--------------------	---	--	--	-----------	---	-------	---

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC hoặc Số thứ tự TTHC tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý cho việc bãi bỏ thủ tục hành chính
(1)	(2)	(3)	(4)
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
I	Lĩnh vực: Dược phẩm		
01	BYT-HGI-194300	Cấp giấy chứng nhận “Thực hành tốt bảo quản thuốc” (GSP)	- Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế; - Quyết định số 648/QĐ-BYT ngày 20/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
02	BYT-HGI-194301	Cấp lại giấy chứng nhận “Thực hành tốt sản xuất thuốc” (GMP)	- Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế; - Quyết định số 648/QĐ-BYT ngày 20/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

***Ghi chú:** Việc gửi hồ sơ và nhận kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích phải thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016.

- Thống kê tóm tắt danh mục TTHC:

TTHC Cấp tỉnh:

- Số TTHC mới ban hành: 13 TTHC; TTHC sửa đổi, bổ sung: 03 TTHC; TTHC bị bãi bỏ: 02 TTHC.

- Số TTHC rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định: 12 TTHC.

- Cách thức thực hiện (tiếp nhận hồ sơ của khách hàng): tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 0 TTHC; tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 0 TTHC; tiếp nhận qua bưu chính: 6 TTHC.

- Số TTHC thuộc phạm vi tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp: 16 TTHC.

- Số TTHC có liên thông giữa các cơ quan tham gia giải quyết (xây dựng quy trình liên thông): 03 TTHC.

TTHC Cấp xã:

- Số TTHC mới ban hành: 0 TTHC; TTHC sửa đổi, bổ sung: 01 TTHC; TTHC bị bãi bỏ: 0 TTHC.

- Số TTHC rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định: 0 TTHC.

- Cách thức thực hiện (tiếp nhận hồ sơ của khách hàng): tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 0 TTHC; tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 0 TTHC; tiếp nhận qua bưu chính: 02 TTHC.

- Số TTHC thuộc phạm vi tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa các cấp: 01 TTHC.

- Số TTHC có liên thông giữa các cơ quan tham gia giải quyết (xây dựng quy trình liên thông): 0 TTHC

**PHẦN 2: QUY TRÌNH LIÊN THÔNG GIỮA
CÁC CƠ QUAN THAM GIA GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TRONG CÙNG BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

I. Lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh

1. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.

Bước 1: Phòng Y tế huyện, thành phố tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng) trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.

Danh mục thành phần hồ sơ:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT	Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao chứng thực	01
02	Bản sao có chứng thực quyết định thành lập trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực	01
03	Hợp đồng cho thuê địa điểm hoặc giấy cam kết đồng ý cho mượn của chủ địa điểm hoặc người quản lý nơi đặt trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực	01
04	Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận chuyên môn của nhân sự làm việc tại trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực	01
05	Quy chế hoạt động của trạm sơ cấp cứu	Bản sao có chứng thực	01
06	Báo cáo nguồn tài chính để đảm bảo kinh phí hoạt động của trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực	01

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng y tế phải thành lập tổ thẩm định để tổ chức thẩm định và có biên bản thẩm định gửi Sở Y tế theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT.

Danh mục hồ sơ chuyển đến Sở Y tế qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử và trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Tờ trình về việc đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản chính	01
02	Biên bản thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT	Bản chính	01

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của phòng y tế, Giám đốc Sở Y tế phải cấp giấy phép hoạt động cho trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này.

Kết quả giải quyết tại Sở Y tế trả cho phòng Y tế huyện, thành phố qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử và trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
-----	----------------	------------	----------

01	Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời	Bản chính	01
----	--	-----------	----

Phòng Y tế huyện, thành phố trả kết quả cho khách hàng trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời	Bản chính	01

2. Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ.

Bước 1: Phòng Y tế huyện, thành phố tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng) trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.

Danh mục thành phần hồ sơ:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2a ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT	Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao chứng thực	01
02	Bản sao có chứng thực quyết định thành lập điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực	01
03	Hợp đồng cho thuê địa điểm hoặc giấy cam kết đồng ý cho mượn của chủ địa điểm hoặc người quản lý nơi đặt điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực	01
04	Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận chuyên môn của nhân sự làm việc tại điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực	01
05	Quy chế hoạt động của điểm sơ cấp cứu	Bản sao có chứng thực	01
06	Báo cáo nguồn tài chính để đảm bảo kinh phí hoạt động của điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản sao có chứng thực	01

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng y tế phải thành lập tổ thẩm định để tổ chức thẩm định và có biên bản thẩm định gửi Sở Y tế theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT.

Danh mục hồ sơ chuyển đến Sở Y tế qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử và trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Tờ trình về việc đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản chính	01
02	Biên bản thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT	Bản chính	01

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của phòng y tế, Giám đốc Sở Y tế phải cấp giấy phép hoạt động cho điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết tại Sở Y tế trả cho phòng Y tế huyện, thành phố qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử và trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời	Bản chính	01

Phòng Y tế huyện, thành phố trả kết quả cho khách hàng trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời	Bản chính	01

3. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm.

Bước 1: Phòng Y tế huyện, thành phố tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân (khách hàng) trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện.

Danh mục thành phần hồ sơ:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ theo Phụ lục số 2b ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT	Bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao chứng thực	01
02	Báo cáo bằng văn bản của trạm, điểm sơ cấp cứu về việc thay đổi địa điểm (Kèm theo Hợp đồng thuê địa điểm hoặc cam kết đồng ý cho mượn của chủ địa điểm hoặc người quản lý nơi đặt trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ)	Bản sao có chứng thực	01

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, phòng y tế phải thành lập tổ thẩm định để tổ chức thẩm định và có biên bản thẩm định gửi Sở Y tế theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, phòng y tế có văn bản hướng dẫn trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ hoàn thiện hồ sơ.

Danh mục hồ sơ chuyển đến Sở Y tế qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử và trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Tờ trình về việc đề nghị cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Bản chính	01
02	Biên bản thẩm định theo mẫu quy định tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 17/2014/TT-BYT	Bản chính	01

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định của phòng y tế, Giám đốc Sở Y tế phải cấp lại giấy phép hoạt động cho trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ theo mẫu quy định tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này, trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Kết quả giải quyết tại Sở Y tế trả cho phòng Y tế huyện, thành phố qua Hệ thống thông tin một cửa điện tử và trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời	Bản chính	01

Phòng Y tế huyện, thành phố trả kết quả cho khách hàng trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết TTHC cấp huyện:

STT	Tên thành phần	Tiêu chuẩn	Số lượng
01	Giấy phép hoạt động hoặc văn bản trả lời	Bản chính	01

*** Ghi chú:**

- Đối với hồ sơ qua thẩm tra, thẩm định chưa đủ điều kiện giải quyết, cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung theo mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để gửi cho tổ chức, cá nhân thông qua Bộ phận Một cửa đầu mỗi tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân. Thời gian thông báo trả lại hồ sơ không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (Chỉ thực hiện một lần). Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.

- Khi có quy định thống nhất về việc sử dụng văn bản điện tử, hồ sơ điện tử và Hệ thống thông tin một cửa điện tử đủ điều kiện thực hiện giao dịch trực tuyến, cơ quan đầu mỗi tiếp nhận hồ sơ thực hiện lưu hồ sơ gốc và thực hiện số hóa (scan) tài liệu giấy và ký số để chuyển đến các cơ quan liên thông theo hình thức giao dịch trực tuyến hoặc qua hình thức liên thông điện tử. Đối với khách hàng gửi hồ sơ qua DVC trực tuyến mức độ 3: Mang các giấy tờ bản chính, bản sao...(theo yêu cầu) đến Bộ phận Một cửa tỉnh để đối chiếu hoặc thu nộp.